TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HN-PT
Ngày: 15 - 5 - 2018
V/v: "Tranh chấp xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh

Các Thẩm phán: Ông Ngô Dũng

Ông Lưu Hữu Giàu

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Bùi Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2018/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 về việc: "Tranh chấp xin ly hôn".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 167/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 100/2018/QĐ-PT ngày 26 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1965, Có mặt

Cư trú: Ấp Q, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Bà Trương Thị T, sinh năm 1970, Có mặt

Cư trú: Ấp Q, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Huỳnh Hồng D – Văn phòng luật sư Huỳnh Hồng D thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Hoàng H, sinh năm 1970; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Theo Văn bản ủy quyền ngày 15/7/2016. Vắng mặt

Trụ sở: Thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1988; Có mặt

Cư trú: Ấp Q, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Ông Trương Văn Ô R (Trương Văn R), sinh năm 1992; Vắng mặt

Cư trú: Ấp Q, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

4. Ông Lê Công M, sinh năm 1950; Vắng mặt

Cư trú: Tổ 01, ấp Q, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

4. Ông Lâm Ngọc K(Lâm Ngọc Cà K), sinh năm 1981; Vắng mặt

Cư trú: Tổ 01, ấp Q, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

5. Bà Trương Thị L, sinh năm 1990; Vắng mặt

Cư trú: Ấp Q, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

6. Ông Châu Quay K(Châu Quê K), sinh năm 1957; Vắng mặt

Cư trú: Ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

7. Ông Lê Văn H, sinh năm 1969; Vắng mặt

Cư trú: Ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

8. Ông Võ Hồng S, sinh năm 1976; Vắng mặt

Cư trú: Ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

9. Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1950; Vắng mặt

Cư trú: Ấp T, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

10. Bà Huỳnh Thị V (Huỳnh Thị V), sinh năm 1961; Vắng mặt

Cư trú: Ấp T, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

11. Ông Trần Hữu N(Nguyễn Hữu Nghi), sinh năm 1971, Vắng mặt

Cư trú: Ấp M, xã X, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo*: bị đơn Trương Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn H, trình bày:

Ông và bà T kết hôn vào năm 1986, hôn nhân do mai mối được cha mẹ định đoạt, có tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bà T hay ghen không cho ông về nhà. Đến năm 2012 vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Thời gian vợ chồng không sống chung ông không tới lui thăm nom chăm sóc vợ con. Nay ông xin ly hôn với bà T.

+ Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Văn L – Sinh năm 1988 và Huỳnh Thị Kim T – Sinh ngày 18.8.1996. Hai con đã thành niên.

+ Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tạo lập tài sản gồm:

- Đất màu diện tích 6.942m^2 tờ bản đồ số 12, thửa số 122 do ông Huỳnh Văn H và bà Trương Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05900 QSDĐ/hB, ngày 31.12.2003. Đất tọa lạc tại ấp Q, xã K, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (Nguồn gốc đất do vợ chồng mua). Qua đo đạc thực tế là 7.295m^2. Phần đất này hiện nay bà T và con tên Huỳnh Văn L đang quản lý sử dụng.

- Đất màu diện tích 600m^2 tờ bản đồ số 11, thửa số 243 do ông Huỳnh Văn H và bà Trương Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02466 QSDĐ/hB, ngày 04.12.2003. Đất tọa lạc tại ấp Q, xã K, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (Nguồn gốc đất do vợ chồng mua). Qua đo đạc thực tế 554m^2. Phần đất này hiện nay bà T đang quản lý sử dụng.

- Đất lúa diện tích 2.020m^2 tờ bản đồ số 10, thửa số 176, 177 do ông Huỳnh Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02754 QSDĐ/hB, ngày 21.01.1999. Đất tọa lạc tại ấp Q, xã K, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (Nguồn gốc đất do vợ chồng mua). Qua đo đạc thực tế 2.009m^2. Phần đất này hiện nay ông H đang quản lý sử dụng.

- Đất màu diện tích 2.092m^2 tờ bản đồ số 11, thửa số 208 do ông Huỳnh Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01317 QSDĐ/hB, ngày 11.02.2003. Đất tọa lạc tại ấp Q, xã K, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (Nguồn gốc đất do vợ chồng mua). Qua đo đạc thực tế 2.643m^2. Phần đất này hiện nay bà T đang quản lý sử dụng.

- Phần đất thổ cư diện tích 87m^2 qua đo đạc thực tế 87,8m^2 tờ bản đồ số 06, thửa số 154 do ông Huỳnh Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04572 QSDĐ/hB, ngày 25.9.2001. Đất tọa lạc tại ấp Q, xã K, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Phần đất này có nguồn gốc từ cha mẹ bà T cho ở khoảng năm 1987. Đến năm đo đạc đại trà thì cha mẹ bà T cho ông H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- 01 căn nhà chính qua đo đạc thực tế có diện tích 58,8m^2 trên phần diện tích đất thổ cư qua đo đạc thực tế 87,8m^2 và 01 căn nhà phụ qua đo đạc thực tế có diện tích 52m^2 trên phần đất bãi bồi cặp mé sông. Hiện nay, căn nhà trên bà T và các con đang sử dụng.

- 02 chiếc xe mô tô bà T đã bán với giá 14.000.000 đồng;

- 01 chiếc ghe 07 tấn và máy F9 bà T đã bán với giá 14.000.000 đồng;

- Tài sản trong nhà: 01 bộ bàn ghế gỗ bên (01 bàn 02 ghế); 01 ly văng thùng ngang 1,8m; 01 ly văng không thùng dài 2,2m x ngang 1,6m; 01 giường hộp đầu cao thấp dài 2,7m x ngang 1,6m; 01 giường thường ngang 1,6m x dài 2,2m; 01 tủ áo bằng gỗ thao lao ngang 1,6m; 01 tủ áo bằng gỗ thao lao ngang 1,8m, 01 tủ lạnh dài 1,8m, ngang 0,6m. Tất cả tài sản trên hiện nay do bà T và các con đang sử dụng.

- 20 chỉ vàng 24k, vàng 9999 của vợ chồng cho ông Lê Văn H mượn, ông Lê Văn H đã trả cho bà T.

- 15 chỉ vàng 24k vàng 9999 vợ chồng cho ông Trần Hữu Ncố đất, ông Trần Hữu Ndã trả cho bà T.

- 27.000.000 đồng tiền cho thuê đất bà T nhận của ông Châu Quay K;

- 15 chỉ vàng 24k vàng 9999 ông H nhận của ông Võ Hồng S;

- Tiền lãi 4.000.000 đồng ông H nhận của ông Võ Hồng S.

Nay ông H yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định pháp luật và Ông H có yêu cầu nhận tài sản bằng hiện vật gồm:

+ Về đất màu, đất lúa: Ông H yêu cầu nhận diện tích đất 6.942m^2 qua đo đạc thực tế là 7.295m^2; Đất lúa diện tích 2.020m^2 qua đo đạc thực tế 2.009m^2

+ Tài sản trong nhà ông H yêu cầu nhận: 01 ly văng thùng ngang 1,8m; 01 giường hộp đầu cao thấp dài 2,7m x ngang 1,6m; 01 tủ áo bằng gỗ thao lao ngang 1,8m;

- Ông H yêu cầu chia ½ giá trị tài sản gồm:

+ 01 căn nhà chính qua đo đạc thực tế có diện tích 58,8m$^{2;}$

+ 01 căn nhà sau (nhà phụ) qua đo đạc thực tế có diện tích 52m^2;

+ Diện tích đất thổ cư qua đo đạc thực tế 87,8m^2;

+ Diện tích đất màu 2.092m^2 qua đo đạc thực tế 2.643m^2;

+ Diện tích đất màu 600m^2 qua đo đạc thực tế 554m^2;

+ 01 tủ áo bằng gỗ thao lao ngang 1,6m;

+ 01 ly văng không thùng dài 2,2m x ngang 1,6m;

+ 01 giường thường ngang 1,6m x dài 2,2m;

+ 02 chiếc xe mô tô thống nhất với giá trị bà T đã bán 14.000.000 đồng;

+ 01 chiếc ghe 07 tấn và máy F9 thống nhất với giá bà T bán 14.000.000 đồng;

+ 20 chỉ vàng 24k, vàng 9999 bà T nhận của ông Lê Văn H;

+ 15 chỉ vàng 24k vàng 9999 bà T nhận của ông Trần Hữu Nghi;

+ 15 chỉ vàng 24k vàng 9999 ông H nhận của ông Võ Hồng S;

+ Tiền lãi 4.000.000 đồng ông H nhận của ông Võ Hồng S.

+ Số tiền 27.000.000 đồng tiền cho thuê đất bà T nhận của ông Châu Quay K.

Ông H thừa nhận khi vợ chồng mâu thuẫn không còn sống chung với nhau ông có lấy số tiền 26.000.000 đồng của vợ chồng. Số tiền này ông đã chi xài ông không yêu cầu chia tài sản chung.

Tại phiên Tòa sơ thẩm ông Huỳnh Văn H thay đổi yêu cầu, ông yêu cầu nhận tài sản bằng hiện vật gồm: diện tích đất 6.942m^2 qua đo đạc thực tế là 7.295m^2; Đất lúa diện tích 2.020m^2 qua đo đạc thực tế 2.009m^2. Ông yêu cầu

được chia ½ giá trị tài sản gồm: Đất và nhà: 01 căn nhà chính qua đo đạc thực tế có diện tích 58,8m^2; 01 căn nhà sau (nhà phụ) qua đo đạc thực tế có diện tích 52m^2; Diện tích đất thổ cư qua đo đạc thực tế 87,8m^2; Diện tích đất màu 2.092m^2 qua đo đạc thực tế 2.643m^2; Diện tích đất màu 600m^2 qua đo đạc thực tế 554m^2; Các vật dụng trong nhà gồm: 01 tủ áo bằng gỗ thao lao ngang 1,6m; 01 ly văng không thùng dài 2,2m x ngang 1,6m; 01 giường thường ngang 1,6m x dài 2,2m; 01 ly văng thùng ngang 1,8m; 01 giường hộp đầu cao thấp dài 2,7m x ngang 1,6m; 01 tủ áo bằng gỗ thao lao ngang 1,8m; Tài sản khác gồm: 20 chỉ vàng 24k, vàng 9999 bà T nhận của ông Lê Văn H; 15 chỉ vàng 24k vàng 9999 bà T nhận của ông Trần Hữu Nghi; 15 chỉ vàng 24k vàng 9999 ông H nhận của ông Võ Hồng S; Tiền lãi 4.000.000 đồng ông H nhận của ông Võ Hồng S. Ông H rút lại yêu cầu không yêu cầu chia 01 tủ lạnh dài 1,8m, ngang 0,6m và 01 bộ bàn ghế bằng gỗ bên. Ông rút lại yêu cầu không yêu cầu nhận hiện vật phần căn nhà phụ; 01 ly văng thùng ngang 1,8m; 01 giường hộp đầu cao thấp dài 2,7m x ngang 1,6m và 01 tủ áo bằng gỗ thao lao ngang 1,8m. Ông rút lại yêu cầu không yêu cầu chia số tiền 02 chiếc xe mô tô bà T đã bán 14.000.000 đồng; 01 chiếc ghe 07 tấn và máy F9 bà T bán 14.000.000 đồng và số tiền 27.000.000 đồng tiền cho thuê đất bà T nhận của ông Châu Quay K.

Đối với phần đất màu diện tích 6.942m^2 qua đo đạc thực tế là 7.295m^2, tăng 353,0m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, phần đất lúa diện tích 2.092m^2 qua đo đạc thực tế 2.643m^2 tăng 551,0m^2, phần đất màu diện tích 600m^2, qua đo đạc thực tế 554m^2 phần đất này giảm 46m^2; phần đất lúa diện tích 2.020m^2, qua đo đạc thực tế 2.009m^2 giảm 11m^2. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm ông H xác định ông thống nhất với kết quả đo đạc theo bản vẽ hiện trạng khu đất tranh chấp của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện C và yêu cầu Tòa án căn cứ vào diện tích đo đạc thực tế để chia tài sản chung. Ông H thống nhất với kết quả định giá ngày 13.6.2017 và thống nhất yêu cầu Tòa án căn cứ vào kết quả định giá trên để chia tài sản chung.

+ Bị đơn bà Trương Thị T, trình bày: Bà và ông H kết hôn khoảng tháng 7 năm 1986, hôn nhân do mai mối được cha mẹ định đoạt, có tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn do ông H có người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng cự cãi, đến năm 2012 vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Thời gian vợ chồng không sống chung ông H không tới lui thăm nom chăm sóc vợ con. Nay ông H yêu cầu ly hôn bà T không đồng ý vì khi ly hôn ông H sẽ đem tài sản cho người khác.

+ Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Văn L – Sinh năm 1988, Huỳnh Thị Kim T – Sinh năm 1996, hiện nay hai con chung đã thành niên.

+ Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tạo lập tài sản gồm:

- Đất màu diện tích 6.942m^2 tờ bản đồ số 12, thửa số 122 do ông Huỳnh Văn H và bà Trương Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05900 QSDĐ/hB, ngày 31.12.2003. Đất tọa lạc tại ấp Q, xã K, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (Nguồn gốc đất do vợ chồng mua). Qua đo đạc thực tế là

7.295m^2. Phần đất này hiện nay bà T và con tên Huỳnh Văn L đang quản lý sử dụng.

- Đất màu diện tích 600m^2 tờ bản đồ số 11, thửa số 243 do ông Huỳnh Văn H và bà Trương Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02466 QSDĐ/hB, ngày 04.12.2003. Đất tọa lạc tại ấp Q, xã K, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (Nguồn gốc đất do vợ chồng mua). Qua đo đạc thực tế 554m^2. Phần đất này hiện nay bà T cho ông Lâm Ngọc K(Lâm Ngọc Cà K) thuê làm rẫy.

- Đất lúa diện tích 2.020m^2 tờ bản đồ số 10, thửa số 176, 177 do ông Huỳnh Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02754 QSDĐ/hB, ngày 21.01.1999. Đất tọa lạc tại ấp Q, xã K, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (Nguồn gốc đất do vợ chồng mua). Qua đo đạc thực tế 2.009m^2. Phần đất này hiện nay ông H đang quản lý sử dụng.

- Đất màu diện tích 2.092m^2 tờ bản đồ số 11, thửa số 208 do ông Huỳnh Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01317 QSDĐ/hB, ngày 11.02.2003. Đất tọa lạc tại ấp Q, xã K, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (Nguồn gốc đất do vợ chồng mua). Qua đo đạc thực tế 2.643m^2. Phần đất này hiện nay bà T cho ông Lê Công M thuê trồng cỏ.

- Đất lúa diện tích 1.200m^2, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất này do vợ chồng mua của ông Huỳnh Văn S diện tích 600m^2, mua của bà Huỳnh Thị V diện tích 600m^2. Việc mua bán có làm giấy tay do ông H giữ. Hiện nay ông H đang quản lý sử dụng phần đất trên.

- Phần đất thổ cư diện tích 87m^2 qua đo đạc thực tế 87,8m^2 tờ bản đồ số 06, thửa số 154 do ông Huỳnh Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04572 QSDĐ/hB, ngày 25.9.2001. Đất tọa lạc tại ấp Q, xã K, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Phần đất này có nguồn gốc từ ông nội cho cha bà T là ông Trương Văn X, sau đó cha bà cho bà ở khoảng năm 1987. Đến năm đo đạc đại trà thì cha bà T cho ông H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà T xác định phần đất này cha bà chỉ cho vợ chồng bà ở nhờ, nếu không ở thì trả lại cho mẹ và anh em bà cũng như trả lại cho mấy anh em của cha bà. Việc cha bà T chỉ cho vợ chồng bà ở nhờ trên phần đất này không làm giấy tờ.

- 01 căn nhà chính qua đo đạc thực tế có diện tích 58,8m^2 trên phần diện tích đất thổ cư qua đo đạc thực tế 87,8m^2 và 01 căn nhà phụ qua đo đạc thực tế có diện tích 52m^2 trên phần đất bãi bồi cặp mé sông. Hiện nay, căn nhà trên bà T và các con đang sử dụng.

- 02 chiếc xe mô tô bà T đã bán với giá 14.000.000 đồng;

- 01 chiếc ghe 07 tấn và máy F9 bà T đã bán với giá 14.000.000 đồng;

- Tài sản trong nhà: 01 bộ bàn ghế gỗ bên (01 bàn 02 ghế); 01 ly văng thùng ngang 1,8m; 01 ly văng không thùng dài 2,2m x ngang 1,6m; 01 giường hộp đầu cao thấp dài 2,7m x ngang 1,6m; 01 giường thường ngang 1,6m x dài 2,2m; 01 tủ áo bằng gỗ thao lao ngang 1,6m; 01 tủ áo bằng gỗ thao lao ngang

1,8m, 01 tủ lạnh dài 1,8m, ngang 0,6m. Tất cả tài sản trên hiện nay do bà T và các con đang sử dụng.

- 20 chỉ vàng 24k, vàng 9999 của vợ chồng cho ông Lê Văn H mượn, ông Lê Văn H đã trả cho bà T. Phần vàng này bà T đã chi xài hết lo cho gia đình.

- 15 chỉ vàng 24k vàng 9999 vợ chồng cho ông Trần Hữu Ncố đất, ông Trần Hữu Nđã trả cho bà T. Phần vàng này bà T đã chi xài hết lo cho gia đình.

- 25.000.000 đồng cho ông Châu Quay K thuê đất, ông K trả cho bà T nhận và thời điểm bà T nhận số tiền này thì ông H còn sống chung và đã chi xài trong gia đình;

- Đối với số vàng 15 chỉ vàng 24k vàng 9999 ông H nhận của ông Võ Hồng S. Bà T không nhớ rõ thời gian, vợ chồng bà cho ông Võ Hồng S mượn số vàng 15 chỉ vàng 24k vàng 9999, không làm giấy tờ, sau đó bà có đòi ông S trả nhưng ông S không có khả năng trả nên kêu bà mượn vàng của người khác sau đó ông S sẽ thanh toán lại. Sau đó bà mới mượn vàng của con dâu bà là Trương Thị L số vàng 10 chỉ vàng 24k vàng 9999 và lúc này ông S mới làm tờ mượn vàng rồi hứa trả. Sau này ông S trả số vàng 15 chỉ vàng 24k vàng 9999 cho ông H nhận. Do đó, bà T cho rằng số vàng mà ông H nhận là của con dâu bà là Trương Thị L chứ không phải của vợ chồng bà.

- Tiền lãi ông H nhận của ông Võ Hồng S là 14.000.000 đồng.

- Ngoài ra, khi ông H đi có lấy tài sản của vợ chồng là số tiền 80.000.000 đồng, số tiền này ông H đi gom tiền tủ. Bà không có gì chứng minh nhưng ông H có thừa nhận lấy số tiền 26.000.000 đồng.

Bà T không đồng ý chia tài sản chung của vợ chồng gồm đất và các vật dụng trong nhà. Còn đối với tiền và vàng mà bà đã nhận bà đã chi xài cho các con nên bà không đồng ý chia. Việc ông H nhận số vàng 15 chỉ vàng 24k, vàng 9999 của ông Võ Hồng S bà yêu cầu ông H phải trả lại cho con dâu bà. Còn số tiền lãi 14.000.000 đồng ông H nhận của ông Võ Hồng S và số tiền 80.000.000 đồng ông H lấy bà không yêu cầu chia tùy Tòa án quyết định.

+ Về quan hệ nợ chung: Ông Huỳnh Văn H và bà Trương Thị T thống nhất không có nợ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân huyện C có ý kiến tại Công văn số 601 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện Cngày 15.5.2015 xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05900 QSDĐ/hB, ngày 31.12.2003, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01317 QSDĐ/hB, ngày 11.02.2003, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02754 QSDĐ/hB, ngày 21.01.1999, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02466 QSDĐ/hB, ngày 04.12.2003 là đúng đối tượng và đúng trình tự pháp luật quy định. Tại công văn số 308/UBND-NC của Ủy ban nhân dân huyện Cngày 07.3.2017 về việc xác định đất dôi dư theo quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Văn H và bà Trương Thị T thì đối với phần đất màu diện tích 6.942m^2 qua đo đạc thực tế là 7.295m^2, tăng 353,0m^2 so với giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, phần diện tích tăng này thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05900 QSDĐ/hB, ngày 31.12.2003 và phần đất lúa diện tích 2.092m^2 qua đo đạc thực tế 2.643m^2 tăng 551,0m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, phần đất này nếu có đủ điều kiện được quy định tại Điều 99, 100 và 101 Luật đất đai 2013 và Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 17.11.2015 của UBND tỉnh An Giang ban hành quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang thì được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân huyện Cco văn bản đề nghị vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất và xét xử.

+ Ông Huỳnh Văn S trình bày: Ông là anh ruột của ông H còn bà T là em dâu. Thời gian khoảng năm 1998 ông có chuyển nhượng cho ông H phần đất diện tích khoảng 2.000m^2 tọa lạc tại ấp Q, xã K, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, giá chuyển nhượng bao nhiêu ông không nhớ, việc chuyển nhượng đã làm thủ tục sang tên xong cho ông H. Hiện nay phần đất này do ông H đang canh tác. Ngoài phần đất trên thì ông không có chuyển nhượng phần đất nào khác cho ông H, bà T. Ông S có văn bản xin vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất và xét xử.

+ Bà Huỳnh Thị V trình bày: Bà là chị ruột của ông Huỳnh Văn H, bà không có chuyển nhượng phần đất nào cho vợ chồng ông H, bà T, bà cũng không liên quan gì đến phần tài sản chung của ông H, bà T nên bà không có ý kiến và không có yêu cầu gì, tùy Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Bà V có văn bản xin vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất và xét xử.

+ Ông Võ Hồng S trình bày: Ông chỉ quen biết với ông H, bà T, cách đây khoảng 05 năm ông có mượn vàng của ông H bà T và chính vợ chồng ông H bà T giao cho ông số vàng 15 chỉ vàng 24k, vàng 9999, lãi suất 70.000 đồng/01 chỉ/tháng. Thời hạn thỏa thuận 01 năm trả và hàng tháng ông trả lãi cho bà T đầy đủ. Việc mượn vàng không làm giấy tờ. Sau khi vợ chồng ông H bà T có mâu thuẫn thời điểm đó ông H, bà T không còn sống chung với nhau thì ông có trả lãi cho ông H với số tiền khoảng 5.000.000 đồng và trả cho ông H 15 chỉ vàng 24k vàng 9999, việc ông trả vàng cho ông H có làm biên nhận nhưng ông đã làm thất lạc. Ông S xác định thời điểm ông mượn vàng của ông H bà T ông không làm giấy tờ nhưng sau khi vợ chồng ông H bà T có mâu thuẫn xảy ra bà T và con dâu của bà có đến nhà yêu cầu ông trả vàng cho bà T, do ông không có vàng trả bà T kêu ông viết tờ mượn vàng với nội dung thể hiện ông mượn vàng của mẹ con bà T. Đối với số vàng trên ông đã trả cho ông H xem như ông đã trả cho vợ chồng ông H bà T nên ông không tranh chấp đối với số vàng trên và không có yêu cầu gì. Ông Võ Hồng S có văn bản xin vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất và xét xử.

+ Ông Trần Hữu Ntrình bày: Ông chỉ quen biết với vợ chồng ông H, bà T. Vào khoảng năm 2012 – 2013 ông có cố đất cho ông vợ chồng ông H bà T diện tích khoảng 03 công với số vàng 15 chỉ vàng 24k vàng 9999. Sau khi cố đất thì

vợ chồng ông H bà T cho ông thuê lại đất. Khoảng tháng 6 năm 2013 – 2014 ông giao vàng trả cho bà T 15 chỉ vàng 24k vàng 9999. Ông H bà T đã giao đất cho ông xong không còn liên quan gì. Ông Trần Hữu Ncó văn bản xin vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất và xét xử.

+ Ông Lê Văn H trình bày: Ông là em rễ ông H, ông có mượn vàng của ông H, bà T vào năm 2012 – 2013 không nhớ rõ. Vào năm 2013 ông đã trả số vàng trên cho bà T, ông không còn nợ gì ông H, bà T. Tòa án đã triệu tập ông H nhiều lần để tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và đối chất nhưng ông H vắng mặt.

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn L, Trương Thị L, Châu Quay K, Lê Công M, Lâm Ngọc K(Lâm Ngọc Cà K), Trương Văn Ô R (Trương Văn R) không gửi ý kiến cho Tòa án về việc thụ lý vụ án cũng như không tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và đối chất.

* Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 167/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H đối với bà Trương Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn H được ly hôn với bà Trương Thị T.

- Về quan hệ con chung: Huỳnh Văn L – Sinh năm 1988 và Huỳnh Thị Kim T – Sinh ngày 18.8.1996. Hai con đã trưởng thành.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Huỳnh Văn H được quyền quản lý, sử dụng phần đất lúa diện tích 2.020m^2 qua đo đạc thực tế 2.009m^2 và phần đất màu diện tích 6.942m^2 qua đo đạc thực tế là 7.295m^2 theo bản vẽ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 10.3.2015 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện C (Bản vẽ hiện trạng đất tranh chấp là một bộ phận không thể tách rời bản án). Ông Huỳnh Văn H được quyền sở hữu số vàng 15 chỉ vàng 24k vàng 9999 và tiền lãi 4.000.000 đồng. Buộc ông Huỳnh Văn H có trách nhiệm thanh toán cho bà Trương Thị T số tiền chênh lệch tài sản là 226.478.000 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

+ Bà Trương Thị T được quyền quản lý, sử dụng phần đất thổ cư diện tích 87,8m^2; Đất màu diện tích 2.092m^2 qua đo đạc thực tế 2.643m^2 và đất màu diện tích 600m^2 qua đo đạc thực tế 554m^2 theo bản vẽ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 10.3.2015 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện C (Bản vẽ hiện trạng đất tranh chấp là một bộ phận không thể tách rời bản án); Bà Trương Thị T được quyền sở hữu 01 căn nhà chính loại nhà sàn, móng cọc gỗ và nóng đá, thân nhà bằng gỗ nhóm 3, 4 vách tol, mái ngói thuộc nhà cấp 4d qua đo đạc thực tế có diện tích 58,8m^2 và 01 căn nhà phụ loại nhà tạm dưới cấp 4d, thân bằng gỗ mái tol, nhà sàn móng nóng đá qua đo đạc thực tế có diện tích 52m^2 theo bản vẽ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 10.3.2015 của Văn phòng đăng

ký đất đai – Chi nhánh huyện C (Bản vẽ hiện trạng đất tranh chấp là một bộ phận không thể tách rời bản án).

Đối với các vật dụng trong nhà: Bà Trương Thị T được quyền sở hữu 01 ly văng thùng dài 2,2m, ngang 1,6m, cao 0,65m bằng gỗ thao lao, mặt gõ; 01 ly văng không thùng dài 2,2m, ngang 1,6m, cao 0,6m bằng gỗ căm xe; 01 giường hộp đầu cao thấp dài 2,7m, ngang 1,6m, cao 0,45m, hộp cao 1,25m, gỗ bên vách đòn hào thao lao; 01 giường thường ngang 1,6m, dài 2,2m, cao 0,45m gỗ bên vách đòn hào thao lao; 01 tủ áo bằng gỗ thao lao ngang 1,6m, cao 2,1m, hông 0,6m; 01 tủ áo bằng gỗ thao lao ngang 1,8m, cao 2,1m, hông gỗ bên 0,6m.

Đối với các tài sản khác: Bà Trương Thị T được quyền sở hữu số vàng 35 (ba mươi lăm) chỉ vàng 24k, vàng 9999. Buộc bà Trương Thị T có trách nhiệm thanh toán cho ông Huỳnh Văn H số vàng chênh lệch là 08 (tám) chỉ vàng 24k vàng 9999.

+ Buộc bà Trương Thị T và ông Huỳnh Văn L có nghĩa vụ giao cho ông Huỳnh Văn H phần đất màu diện tích 6.942m^2 qua đo đạc thực tế là 7.295m^2 theo bản vẽ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 10.3.2015 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện C (Bản vẽ hiện trạng đất tranh chấp là một bộ phận không thể tách rời bản án).

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H đối với yêu cầu chia 01 tủ lạnh dài 1,8m, ngang 0,6m và 01 bộ bàn ghế bằng gỗ bên (01 bàn, 02 ghế); đối với yêu cầu nhận hiện vật phần căn nhà phụ; đối với yêu cầu nhận hiện vật 01 ly văng thùng ngang 1,8m; 01 giường hộp đầu cao thấp dài 2,7m x ngang 1,6m và 01 tủ áo bằng gỗ thao lao ngang 1,8m; đối với yêu cầu chia số tiền 02 chiếc xe mô tô bà T đã bán 14.000.000 đồng và 01 chiếc ghe 07 tấn và máy F9 bà T bán 14.000.000 đồng; đối với số tiền 27.000.000 đồng tiền cho thuê đất bà T nhận của ông Châu Quay K.

+ Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký lại quyền sử dụng đất đúng với diện tích mà mình đang sử dụng theo sơ đồ trích đo hiện trạng đất tranh chấp của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện C. Sơ đồ trích đo hiện trạng đất tranh chấp là một bộ phận không thể tách rời bản án.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận ông Huỳnh Văn H và bà Trương Thị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì ông H và bà T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 24/10/2017, bà Trương Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc xem xét giải quyết lại toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C. Đến ngày 06/11/2017, bà T có Tờ tường trình bổ sung yêu cầu kháng cáo với nội dung sau:

Về quan hệ hôn nhân và quan hệ con chung: Thống nhất theo nội dung bản án sơ thẩm.

Về quan hệ tài sản chung yêu cầu xem xét:

- Đất màu diện tích 6.942m^2 do ông Huỳnh Văn H và bà Trương Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05900 QSDĐ/hB, ngày 31.12.2003. Đất tọa lạc tại ấp Q, xã K, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (Nguồn gốc đất do vợ chồng mua). Qua đo đạc thực tế là 7.295m^2. Phần đất này từ trước đến nay do bà và con trai tên Huỳnh Văn L quản lý và trực tiếp canh tác để làm nguồn sống cho gia đình. Yêu cầu Tòa xem xét giao phần đất này cho bà;

- Phần đất thổ cư 87,8m^2 là của cha mẹ bà cho bà chứ không cho luôn vợ chồng, việc vợ chồng đứng tên là tránh tranh chấp giữa các anh chị em của bà nên bà không đồng ý chia phần đất này;

- Diện tích đất lúa 2.020m^2 (đo đạc còn 2.009m^2) phần đất này gắn liền với diện tích đất 1.200m^2 mà vợ chồng mua của anh em bên ông H (vì mẹ chồng cho mỗi người 600m^2). Yêu cầu Tòa xem xét để chia phần diện tích 1.200m^2 cho bà;

- Đối với số tiền 80.000.000đ ông H gom tiền bán tủ mang đi, ông H thừa nhận chỉ lấy 26.000.000đ nhưng Tòa cấp sơ thẩm không chia là không đúng. Nay bà yêu Tòa chia cho bà;

- Đối với 15 chỉ vàng 24k mà ông H nhận từ ông Võ Hồng S. Đây là tài sản ông S mượn của con dâu tên Trương Thị L theo tờ mượn vàng ngày 15/8/2012. Không được Tòa sơ thẩm chấp nhận trả lại cho con dâu mà cho rằng tài sản chung của vợ chồng là thiệt hại quyền lợi của con dâu, yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét;

- Đối với 35 chỉ vàng 24k mà bà nhận của ông Lê Văn H 20 chỉ và ông Trần Hữu N15 chỉ thì số vàng này bà đã bán để chi tiêu trong gia đình nên yêu cầu được Tòa xem xét số vàng này không còn.

Đối với những phần tài sản khác còn lại bà thống nhất không yêu cầu Tòa xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Tuy nhiên sau khi động viên, hòa giải các đương sự đã thỏa thuận được cách chia tài sản chung, cụ thể: Ông Huỳnh Văn H được quyền quản lý, sử dụng phần đất lúa diện tích 2.020m^2 qua đo đạc thực tế 2.009m^2; được quyền sở hữu số vàng 15 chỉ vàng 24k vàng 9999 và tiền lãi 4.000.000 đồng. Bà Trương Thị T được quyền quản lý, sử dụng phần đất màu diện tích 6.942m^2 qua đo đạc thực tế là 7.295m^2, phần đất thổ cư diện tích 87,8m^2; Đất màu diện tích 2.092m^2 qua đo đạc thực tế 2.643m^2 và đất màu diện tích 600m^2 qua đo đạc thực tế 554m^2; được quyền sở hữu 01 căn nhà chính loại nhà sàn, móng cọc gỗ và nóng đá, thân nhà bằng gỗ nhóm 3, 4 vách tol, mái ngói thuộc nhà cấp 4d qua đo đạc thực tế có diện tích 58,8m^2 và 01 căn nhà phụ loại nhà tạm dưới cấp 4d, thân bằng gỗ mái tol, nhà sàn móng nóng đá qua đo đạc thực tế có diện tích 52m^2 theo bản vẽ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 10.3.2015 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi

nhánh huyện C. Bà T còn được sở hữu số vàng 35 (ba mươi lăm) chỉ vàng 24k, vàng 9999 và các vật dụng trong nhà gồm: 01 ly văng thùng dài 2,2m, ngang 1,6m, cao 0,65m bằng gỗ thao lao, mặt gõ; 01 ly văng không thùng dài 2,2m, ngang 1,6m, cao 0,6m bằng gỗ căm xe; 01 giường hộp đầu cao thấp dài 2,7m, ngang 1,6m, cao 0,45m, hộp cao 1,25m, gỗ bên vách đòn hào thao lao; 01 giường thường ngang 1,6m, dài 2,2m, cao 0,45m gỗ bên vách đòn hào thao lao; 01 tủ áo bằng gỗ thao lao ngang 1,6m, cao 2,1m, hông 0,6m; 01 tủ áo bằng gỗ thao lao ngang 1,8m, cao 2,1m, hông gỗ bên 0,6m. Bà Trương Thị T có trách nhiệm thanh toán cho ông Huỳnh Văn H số tài sản chênh lệch được quy thành tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu ý kiến: tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp tài sản, sự thỏa thuận này phù hợp pháp luật và không trái với đạo được xã hội nên đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đương sự; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 167/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật, về thẩm quyền xét xử như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là hoàn toàn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình "Tranh chấp xin ly hôn" giữa nguyên đơn Huỳnh Văn H với bị đơn Trương Thị T theo bản án số 167/2017/HNGĐ-ST. Đến ngày 24 tháng 10 năm 2017, bị đơn Trương Thị T có đơn kháng cáo bản án. Xét về thời hạn kháng cáo, người có quyền kháng cáo đã đảm bảo theo đúng qui định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên thẩm quyền giải quyết phúc thẩm thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Mặc dù bà T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại cách chia tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm các bên đã thỏa thuận được cách chia tài sản chung, cụ thể: Ông Huỳnh Văn H được quyền quản lý, sử dụng phần đất lúa diện tích 2.020m^2 qua đo đạc thực tế 2.009m^2;

được quyền sở hữu số vàng 15 chỉ vàng 24k vàng 9999 và tiền lãi 4.000.000 đồng. Bà Trương Thị T được quyền quản lý, sử dụng phần đất màu diện tích 6.942m^2 qua đo đạc thực tế là 7.295m^2, phần đất thổ cư diện tích 87,8m^2; Đất màu diện tích 2.092m^2 qua đo đạc thực tế 2.643m^2 và đất màu diện tích 600m^2 qua đo đạc thực tế 554m^2; được quyền sở hữu 01 căn nhà chính loại nhà sàn, móng cọc gỗ và nóng đá, thân nhà bằng gỗ nhóm 3, 4 vách tol, mái ngói thuộc nhà cấp 4d qua đo đạc thực tế có diện tích 58,8m^2 và 01 căn nhà phụ loại nhà tạm dưới cấp 4d, thân bằng gỗ mái tol, nhà sàn móng nóng đá qua đo đạc thực tế có diện tích 52m^2 theo bản vẽ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 10.3.2015 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện C. Bà T còn được sở hữu số vàng 35 (ba mươi lăm) chỉ vàng 24k, vàng 9999 và các vật dụng trong nhà gồm: 01 ly văng thùng dài 2,2m, ngang 1,6m, cao 0,65m bằng gỗ thao lao, mặt gõ; 01 ly văng không thùng dài 2,2m, ngang 1,6m, cao 0,6m bằng gỗ căm xe; 01 giường hộp đầu cao thấp dài 2,7m, ngang 1,6m, cao 0,45m, hộp cao 1,25m, gỗ bên vách đòn hào thao lao; 01 giường thường ngang 1,6m, dài 2,2m, cao 0,45m gỗ bên vách đòn hào thao lao; 01 tủ áo bằng gỗ thao lao ngang 1,6m, cao 2,1m, hông 0,6m; 01 tủ áo bằng gỗ thao lao ngang 1,8m, cao 2,1m, hông gỗ bên 0,6m. Bà T còn có trách nhiệm thanh toán cho ông Huỳnh Văn H số tài sản chênh lệch được quy thành tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự xuất phát từ sự tự nguyện, phù hợp pháp luật và không trái với đạo được xã hội nên Hội đồng xét xử cần sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo của bị đơn Trương Thị T được chấp nhận nên bà T được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

+ Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Phúc xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị T.

Sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 167/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự Huỳnh Văn H và Trương Thị T trong việc chia tài sản chung, cụ thể:

- Ông Huỳnh Văn H được quyền quản lý, sử dụng phần đất lúa diện tích 2.020m^2 qua đo đạc thực tế 2.009m^2 theo bản vẽ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 10.3.2015 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện C; được quyền sở hữu số vàng 15 chỉ vàng 24k vàng 9999 và tiền lãi 4.000.000 đồng.

- Bà Trương Thị T được quyền quản lý, sử dụng phần đất màu diện tích 6.942m^2 qua đo đạc thực tế là 7.295m^2, phần đất thổ cư diện tích 87,8m^2; Đất màu diện tích 2.092m^2 qua đo đạc thực tế 2.643m^2 và đất màu diện tích 600m^2 qua đo đạc thực tế 554m^2; được quyền sở hữu 01 căn nhà chính loại nhà sàn, móng cọc gỗ và nóng đá, thân nhà bằng gỗ nhóm 3, 4 vách tol, mái ngói thuộc nhà cấp 4d qua đo đạc thực tế có diện tích 58,8m^2 và 01 căn nhà phụ loại nhà tạm dưới cấp 4d, thân bằng gỗ mái tol, nhà sàn móng nóng đá qua đo đạc thực tế có diện tích 52m^2 theo bản vẽ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 10.3.2015 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện C. Bà T còn được sở hữu số vàng 35 (ba mươi lăm) chỉ vàng 24k, vàng 9999 và các vật dụng trong nhà gồm: 01 ly văng thùng dài 2,2m, ngang 1,6m, cao 0,65m bằng gỗ thao lao, mặt gõ; 01 ly văng không thùng dài 2,2m, ngang 1,6m, cao 0,6m bằng gỗ căm xe; 01 giường hộp đầu cao thấp dài 2,7m, ngang 1,6m, cao 0,45m, hộp cao 1,25m, gỗ bên vách đòn hào thao lao; 01 giường thường ngang 1,6m, dài 2,2m, cao 0,45m gỗ bên vách đòn hào thao lao; 01 tủ áo bằng gỗ thao lao ngang 1,6m, cao 2,1m, hông 0,6m; 01 tủ áo bằng gỗ thao lao ngang 1,8m, cao 2,1m, hông gỗ bên 0,6m.

Bà Trương Thị T có trách nhiệm thanh toán cho ông Huỳnh Văn H số tài sản chênh lệch được quy thành tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký lại quyền sử dụng đất đúng với diện tích mà mình đang sử dụng theo sơ đồ trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 10.3.2015 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện C.

Án phí phúc thẩm:

Bà Trương Thị T được nhận lại 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0014500 ngày 25/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C tỉnh An Giang.

Án phí sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn H phải chịu án phí ly hôn 200.000đồng và 19.731.000đ (mười chín triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn đồng) án phí chia tài sản chung. Án phí chung ông H phải chịu là 19.931.000đ (mười chín triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn đồng). Được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí hôn nhân ông H đã nộp theo biên lai thu số 01770 ngày 18/12/2013 và tạm ứng án phí chia tài sản 18.840.000đồng theo biên lai thu số 01771 ngày 18/12/2013 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Ông H phải nộp thêm 891.000đ (tám trăm chín mươi mốt nghìn đồng) tiền án phí.

Bà Trương Thị T phải chịu án phí chia tài sản chung là 39.869.000đ (ba mươi chín triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Các phần khác không bị kháng cáo có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn phòng;
- Tòa dân sự;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Ngọc Linh

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn phòng;
- Tòa dân sự;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Ngọc Linh